| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **181**/2022/HSPT
Ngày: 25-5-2022

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
## TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Thanh Phong

*Các thẩm phán*: Ông Võ Văn Toàn

Ông Nguyễn Trung Hưng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Cao Thị Minh – Thư ký Tòa án tỉnh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Tống Thị Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 140/2022/TLPT-HS ngày 29 tháng 03 năm 2022 đối với bị cáo Lê Văn Đ và đồng phạm, do có kháng cáo của bị cáo Lê Văn Đ, Nguyễn Trung N, Nguyễn Th đối với bản án hình sự sơ thẩm số 21/2022/HS-ST ngày 16/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

*Các bị cáo kháng cáo:*

1/ Họ và tên: **Lê Văn Đ**, sinh năm: 1995; Giới tính: N; Nơi sinh: Đồng Nai; Nơi cư trú: Ấp An Viễng, xã Bình An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 12/12; Họ tên cha: Lê Văn Bé, sinh năm 1952; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị Chanh, sinh năm 1969; Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Họ tên vợ: Phạm Thị Y Phượng, sinh năm 1994; Có 01 con sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại Ấp An Viễng, xã Bình An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*);

2/ Họ và tên: **Nguyễn Trung N**, sinh năm: 1996; Tên gọi khác: Không; Giới tính: N; Nơi sinh: Đồng Nai; Nơi cư trú: Ấp 8, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 12/12; Họ tên cha: Nguyễn Văn Phụng, sinh năm 1968; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị Cúc, sinh năm 1974; Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Họ tên vợ: Nguyễn

Dương Quỳnh Trang, sinh năm 1998; Có 02 con lớn sinh năm 2015; nhỏ sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại Ấp 8, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*);

3/ Họ và tên: **Nguyễn Th**, sinh năm: 1994; Tên gọi khác: Không; Giới tính: N; Nơi sinh: Bình Thuận; Nơi đăng ký thường trú: Thôn 2, xã Huy Khiêm, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; Nơi sinh sống: Ấp 8, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 12/12; Họ tên cha: Nguyễn Bảy, sinh năm 1957 (đã chết); Họ tên mẹ: Võ Thị Kim Thảnh, sinh năm 1968; Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Họ tên vợ: Hoàng Thị Mỹ Luyên, sinh năm 1993 và có 01 con sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại Ấp 8, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*);

*Trong vụ án có bị hại Công ty TNHH S (Việt N) nhưng không có kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Th, Nguyễn Trung N và Lê Văn Đ là công nhân bộ phận bảo trì tại xưởng số 9 nhà máy 1 của Công ty TNHH S (gọi tắt là Công ty S) thuộc khu công nghiệp Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Trong thời gian làm việc tại Công ty S, Th, N và Đ thường đến xưởng số 3 để đổ rác thì phát hiện trong xưởng có các khay nhựa chứa các mẫu kim loại bằng đồng dạng hình trụ đường kính từ 2,5 - 03 cm, dài từ 03 - 15 cm (là phế liệu kim loại đồng dư thừa trong quá trình sản suất), nên cả 3 nảy sinh ý định trộm cắp số kim loại đồng này đem ra ngoài bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Th, N và Đ bàn với nhau, khi đi đổ rác N điều khiển xe nâng chở rác từ xưởng số 9 đến xưởng số 3 còn Th và Đ đi bộ theo xe, sau khi vào xưởng số 3 đổ rác thì Th, N và Đ lấy số đồng phế liệu từ các khay nhựa bỏ vào thùng chứa rác vừa đổ xong dùng khăn lau máy phủ lên thùng rác để tránh phát hiện rồi đưa các thùng này ra xe nâng chở về xưởng số 9 rồi đem giấu số đồng này vào dưới bàn làm việc của mỗi người, đến giờ tan ca Th, N, và Đ chia số đồng này ra làm 03 phần dùng khăn lau máy màu đen quấn lại thành bó bỏ vào ba lô của mỗi người rồi đem ra xe của mình đưa ra cổng Công ty S, khi ra khỏi cổng công ty, Đ đưa số đồng của mình cho Th và N đem đến điểm thu mua phế liệu là Công ty TNHH MTV A do bà Hoàng Thị Ph, sinh năm: 1975 ngụ tại xã A, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai làm chủ bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Với cách thức thực hiện như vậy

Th, N và Đ đã cùng nhau trộm cắp tổng cộng 259 kg đồng phế liệu của Công ty TNHH S cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 03/6/2021 Th , N và Đ trộm cắp 26 kg đồng phế liệu bán được số tiền 2.300.000 đồng, chia 03 mỗi người được 750.000 đồng, còn lại 50.000 đồng mua nước uống cùng nhau.

Lần 2: Ngày 07/6/2021 Th , N và Đ trộm cắp 30 kg đồng phế liệu bán được số tiền 2.700.000 đồng, chia 03 mỗi người được 900.000 đồng.

Lần 3: Ngày 16/6/2021 Th , N và Đ trộm cắp 28 kg đồng phế liệu bán được số tiền 2.520.000 đồng, chia 03 mỗi người được 840.000 đồng.

Lần 4: Ngày 18/6/2021 Th , N và Đ trộm cắp 33 kg đồng phế liệu bán được số tiền 2.970.000 đồng, chia 03 mỗi người được 990.000 đồng.

Lần 5: Ngày 21/6/2021 Th , N và Đ trộm cắp 32 kg đồng phế liệu bán được số tiền 2.800.000 đồng, chia 03 mỗi người được 900.000 đồng, còn lại 50.000 đồng mua nước uống cùng nhau. Ngoài các lần cả 03 cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp, vào ngày 25/6/2021 Th và N trộm cắp 20 kg đồng phế liệu bán được số tiền 2.000.000 đồng, chia mỗi người được 1.000.000 đồng còn Đ trộm cắp được 10 kg đồng mang về nhà cất giấu. Riêng đối với Đ ngoài các lần tham gia cùng Th và N trộm cắp đồng phế liệu Đ còn một mình thực hiện 09 lần trộm cắp đồng phế liệu khác rồi mang về nhà cất giấu. Ngày 25/6/2021 Đ mang số đồng phế liệu vừa trộm được với số đồng cất giấu ở nhà từ trước tổng cộng là 90 kg Đ đem đến điểm mua bán phế liệu của bà Lê Thị Th1, sinh năm: 1988 ở xã L, huyện Long Thành bán được số tiền 9.000.000 đồng, hôm sau Đ chia cho N 1.100.000 đồng, còn Đ được hưởng số tiền 7.900.000 đồng. Đến ngày 28/6/2021 Công ty S kiểm kê số đồng tại xưởng số 3 phát hiện bị mất 2.416,7 kg đồng phế liệu, qua trích xuất Camera giám sát Công ty phát hiện vào ngày 25/6/2021 có Nguyễn Th, Nguyễn Trung N và Lê Văn Đ là công nhân tại xưởng số 9 của Công ty TNHH S (Việt N) thực hiện hành vi trộm cắp, ngày 05/7/2021 Công ty S làm đơn tố cáo gửi Công an Đồn khu công nghiệp Long Thành. Đến ngày 07/7/2021 Th, N và Đ đến Công an Đồn khu công nghiệp Long Thành đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, Công an Đồn khu công nghiệp Long Thành lập hồ sơ ban đầu, chuyển hồ sơ đến Công an huyện Long Thành giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận định giá tài sản tố tụng hình sự số 84/KL-HĐĐGTS ngày 30/7/2021 của Hội đồng định giá tố tụng hình sự huyện Long Thành kết luận:

- 26 kg đồng phế liệu thời điểm định giá ngày 03/6/2021 giá tài sản bị chiếm đoạt là 2.249.000 đồng;

- 30 kg đồng phế liệu thời điểm định giá ngày 07/6/2021 giá tài sản bị chiếm đoạt là 2.595.000 đồng;

- 28 kg đồng phế liệu thời điểm định giá ngày 16/6/2021 giá tài sản bị chiếm đoạt là 2.422.000 đồng;

- 33 kg đồng phế liệu thời điểm định giá ngày 18/6/2021 giá tài sản bị chiếm đoạt là 2.854.500 đồng;

- 32 kg đồng phế liệu thời điểm định giá ngày 21/6/2021 giá tài sản bị chiếm đoạt là 2.768.000 đồng;

- 20 kg đồng phế liệu thời điểm định giá ngày 25/6/2021 giá tài sản bị chiếm đoạt là 1.730.000 đồng;

- 90 kg đồng phế liệu do Lê Văn Đ lấy trộm thời điểm định giá ngày 25/6/2021 có trị giá 7.785.000 đồng. Giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 22.403.500 đồng.

Về vật chứng, tài sản thu giữ: 01 xe mô tô biển số 60C1- 824.85 thu giữ của Lê Văn Đ, 01 xe mô tô biển số 60C1-824.45 thu giữ của Nguyễn Trung N, 01 xe mô tô biển số 86B7-339.65 thu giữ của Nguyễn Th, 03 ba lô cá nhân của Th, N và Đ, Lê Văn Đ tự nguyện giao nộp số tiền 15.000.000 đồng, Nguyễn Trung N tự nguyện giao nộp số tiền 12.000.000 đồng, Nguyễn Th tự nguyện giao nộp số tiền 5.500.000 đồng.

Trước Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành, Lê Văn Đ, Nguyễn Trung N, Nguyễn Th đã khai nhận hành vi phạm tội nêu trên phù hợp lời khai bị hại, lời khai người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu thu thập tại hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại đều không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết quả định giá của Hội đồng định giá nêu trên.

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 21/2022/HS-ST ngày 16/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn Đ 10 (mười**)** tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*", thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trung N 08 (tám**)** tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*", thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Th 06 (sáu**)** tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*", thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 16/02/2022, bị cáo Nguyễn Th kháng cáo bản án sơ thẩm xin được hưởng án treo, với lý do bị cáo ăn năn hối cải, đã khắc phục hậu quả, là cháu liệt sĩ, có con nhỏ và mẹ già không đi làm.

- Ngày 16/02/2022, bị cáo Lê Văn Đ kháng cáo bản án sơ thẩm xin được hưởng án treo, để bị cáo đi làm kiếm tiền phụ giúp gia đình và nuôi cha mẹ già, vợ, con còn nhỏ.

- Ngày 16/02/2022, bị cáo Nguyễn Trung N kháng cáo bản án sơ thẩm xin được hưởng án treo, để bị cáo đi làm kiếm tiền phụ giúp gia đình, nuôi vợ và hai con còn nhỏ.

***- Quan điểm của Đại diệnViện kiểm sát nhân dân tỉnh tại phiên tòa*:** Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã nêu. Hành vi của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền tài sản của người khác, làm mất an ninh trật tự tại địa phương nên cần áp dụng hình phạt nghiêm nhằm răng đe các bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi lượng hình cấp sơ thẩm xem xét các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, ra đầu thú, đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 10 (mười**)** tháng tù, bị cáo Nguyễn Trung N 08 (tám**)** tháng tù, bị cáo Nguyễn Th 08 (tám**)** tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là phù hợp với tính chất, hành vi, phạm tội của các bị cáo.

Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo và trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính. Xét thấy các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, ra đầu thú, đại diện bị hại xin giảm nhẹ, các bị cáo đều thuộc thành phần lao động, có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian tại ngoại không vi phạm pháp luật và nghĩa vụ nơi công dân cư trú. Xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có đủ điều kiện để hưởng án treo nên kháng cáo của các bị cáo là có cơ sở xem xét. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn Đ, Nguyễn Trung N, Nguyễn Th sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Văn Đ, Nguyễn Th, Nguyễn Trung N làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Ngày 24/05/2022, bị cáo Lê Văn Đ, Nguyễn Th, Nguyễn Trung N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ điểm c khoản 2 điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị cáo.

[2] Về nội dung vụ án, kháng cáo xin hưởng án treo của của các bị cáo:

[2.1] *Về nội dung vụ án:* Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Văn Đ, Nguyễn Th, Nguyễn Trung N thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Thể hiện khoảng thời gian từ ngày 03/6/2021 đến ngày 25/6/2021 Lê Văn

Đ, Nguyễn Trung N và Nguyễn Th đã nhiều lần trộm cắp đồng phế liệu của Công ty TNHH S tổng cộng 259 kg đồng phế liệu, các bị cáo đã bán được 24.140.000 đồng, trong đó Đ, N và Th cùng nhau thực hiện 05 lần trộm cắp được 149 kg đồng phế liệu trị giá 13.290.000 đồng, ngoài ra N và Trung cùng nhau thực hiện 01lần khác được 20 kg đồng phế liệu trị giá 2.000.000 đồng, riêng Đ một mình thực hiện thêm 09 lần trộm cắp được 90 kg đồng phế liệu trị giá 9.000.000 đồng. Sau khi bán số đồng phế liệu trên Lê Văn Đ được hưởng số tiền 12.280.000 đồng, Nguyễn Trung N được hưởng số tiền 6.480.000 đồng, Nguyễn Th được hưởng số tiền 5.380.000 đồng. Giá trị tài sản các bị cáo đã chiếm đoạt của Công ty TNHH S là 22.403.500 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" là đúng người đúng tội.

[2.2] *Về kháng cáo xin hưởng án treo của của các bị cáo:*

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, hành vi phạm tội của các bị cáo Lê Văn Đ, Nguyễn Trung N, Nguyễn Th đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, các bị cáo cùng nhau thực hiện 05 lần trộm cắp đồng phế liệu của Công ty TNHH S, trong đó bị cáo Lê Văn Đ đã chiếm đoạt được số tiền 12.280.000 đồng, bị cáo Nguyễn Trung N đã chiếm đoạt được 6.480.000 đồng, bị cáo Nguyễn Th đã chiếm đoạt được 5.380.000 đồng. Xét bị cáo Đ phạm tội nhiều hơn các bị cáo khác và cũng chiếm đoạt số tiền phạm tội lớn hơn các bị cáo khác nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lê Văn Đ hình phạt nặng hơn bị cáo N, Th là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

+ *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo đã thực hiện nhiều lần trộm cắp tài sản cấp sơ thẩm áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là phù hợp.

+ *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo Lê Văn Đ, Nguyễn Th, Nguyễn Trung N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; tự nguyện ra đầu thú và đại diện bị hại cũng xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 10 (mười) tháng tù, bị cáo Nguyễn Trung N cáo 08 (tám**)** tháng tù, bị cáo Nguyễn Th 06 (sáu**)** tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Lê Văn Đ cung cấp đơn xác nhận gia đình có hoàn cảnh khó khăn, có cha mất khả năng lao động, gia đình có 02 chị em nhưng chị gái bị tâm thần, bị cáo là lao động chính trong gia đình được UBND xã Bình An, huyện Long Thành, Đồng Nai xác nhận ngày 01/03/2022. Bị cáo Nguyễn Th cung cấp đơn xác nhận gia đình có hoàn cảnh khó khăn, cha chết, mẹ không có khả năng lao động, vợ bị cáo ở nhà chăm con nhỏ 3 tháng tuổi, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình, được UBND xã H, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận xác nhận ngày 02/03/2022. Bị cáo Nguyễn Trung N cung cấp đơn

xác nhận gia đình có hoàn cảnh khó khăn, cha mẹ mất khả năng lao động, vợ bị cáo ở nhà chăm con nhỏ, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình được UBND xã A, Long Thành xác nhận ngày 01/03/2022. Đồng thời theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/04/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng Điều 65 của BLHS về án treo, xét thấy các bị cáo có đủ điều kiện tự cải tạo mà không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới và do quy định pháp luật hướng dẫn về án treo có sự thay đổi có lợi cho các bị cáo nên cấp sơ thẩm không có lỗi trong việc bị cấp phúc thẩm sửa bản án.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo Lê Văn Đ, Nguyễn Th, Nguyễn Trung N được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của các Lê Văn Đ, Nguyễn Th, Nguyễn Trung N, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 21/2022/HS-ST ngày 16/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành về hình phạt do lỗi khách quan.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn Đ 10 (mười**)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "*Trộm cắp tài sản*", thời gian thử thách là 01 (một) năm 8 (tám) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Lê Văn Đ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trung N 08 (tám**)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "*Trộm cắp tài sản*", thời gian thử thách là 01 (một) năm 4 (bốn) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Trung N cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp

bị cáo Nguyễn Trung N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Th 06 (sáu**)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản", thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Th cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Nguyễn Th thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về án phí: Các bị cáo không phải chịu  án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**
- VKSND tỉnh Đồng Nai,
- VKSND huyện Long Thành;
- TAND huyện Long Thành;
- Công an huyện Long Thành;
- Phòng PV06, Công an tỉnh Đồng Nai;
- Nhà Tạm giữ Công an huyện Long Thành;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
**(đã ký tên và đóng dấu)**

**Trần Thanh Phong**